

Số: /BC-UBND

Kim Sơn, ngày tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023; dự toán và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 (Trình tại kỳ họp thứ 8, HĐND xã Kim Sơn khóa XVI)

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ vào Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện Lục Ngạn V/v giao dự toán thu, chi NS Nhà nước huyện Lục Ngạn năm 2023;

Căn cứ vào Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của HĐND xã V/v phê duyệt dự toán thu, chi NS năm 2023;

Căn cứ vào việc điều chỉnh, bổ sung dự toán NS năm 2023;

UBND xã báo cáo kết quả tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước, dự toán và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024.

PHẦN THỨ NHẤT

Tình hình ước thực hiện thu, chi ngân sách năm 2023

A. Đặc điểm tình hình

Năm 2023, do tình hình thời tiết, khí hậu gây ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp của người dân trên địa bàn, đặc biệt sản lượng cây có múi đạt sản lượng đạt thấp. Cây ăn quả giá cả không ổn định. Tình hình hậu ảnh hưởng hậu dịch bệnh covid19 tác động đến việc làm người lao động. Do vậy, tình hình thu NS trên địa bàn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là thu tiền sử dụng đất, thu biện pháp tài chính từ tiền phạt. Dưới sự lãnh chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, sự phối kết hợp của các ngành, đoàn thể, sự điều hành kịp thời của TT UBND xã, sự hỗ trợ của NS cấp trên nên năm 2023, công tác điều hành NS của xã đã đáp ứng được yêu cầu đặt ra, phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

B. Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi NS năm 2023

I. Thực hiện nhiệm vụ thu NS năm 2023

Dự toán thu NS năm 2023: 4.292.355.000 đồng. Thực hiện thu ngân sách năm 2023 là 5.888.718.491 đồng, đạt 136,04% dự toán giao, cụ thể như sau.

1.Thu NS tại địa bàn

Kế hoạch năm 2023 chỉ tiêu thu nhà nước tại địa bàn xã là: 29.000.000 đã thực hiện được điều tiết NS xã theo tỷ lệ là : 54.503.000đ bằng 218,01% chỉ tiêu Nhà nước huyện cũng như HĐND xã giao. trong đó:

- Thu phí, lệ phí thực hiện được : 6.503.000đ = 65,03% kế hoạch giao:
- Thu tiền sử dụng đất thực hiện được: 0đ = 0%KH giao
- Thu biện pháp tài chính không thực hiện được: 0đ =0%KH
- Thu từ quỹ đất công ích: 48.000.000đ

2. Các khoản thu không trong dự toán giao

Thu chuyển nguồn từ năm 2022 là: 298.550.491đ

3. Thu bổ sung từ NS cấp trên: 5.535.665.000đ =100,46% KH
 Thu bổ sung cân đối ngân sách là: 4.049.371.000đ
 Thu bổ sung có mục tiêu ngân sách là: 1.486.294.000đ
 (Có biểu chi tiết kèm theo)

Năm 2023 UBND xã đã tổ chức thực hiện công tác thu NS tại địa bàn, một số các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch Nhà nước và HĐND xã giao. Tuy nhiên cũng có một số chỉ tiêu đạt mức thấp, hoặc không đạt như tiền sử dụng đất, thu biện pháp tài chính từ tiền phạt vi phạm hành chính. Nguyên nhân năm 2023 UBND huyện giao theo kế hoạch chung, tình hình thời tiết diễn biến phức tạp đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Được sự quan tâm chỉ đạo từ cấp trên công tác thu cũng đạt được một số kết quả, để đảm bảo công tác chi cho địa phương.

II. Thực hiện nhiệm vụ chi NS, và các hoạt động tài chính khác

1. Chi NS thực hiện : 5.377.273.517 đồng bằng 125,57% dự toán năm: Cụ thể chi một số lĩnh vực chủ yếu sau:

*Chi đầu tư XD CB:

- Chi trả nợ công trình một phòng thôn Đồng Láy trường MN Kim sơn với số tiền là : 111.534.000đ từ tiết kiệm chi chuyển nguồn từ năm trước.

* Chi thường xuyên:

Thực hiện: 5.265.739.517 đồng bằng 122,79% dự toán năm gồm: trong đó

Chi của các trương trình mục tiêu: Nâng cao năng lực thực hiện CT: Tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo, nước sinh hoạt phân tán, bình đẳng giới của năm 2022 chuyển nguồn 2023:

- Chi Dân quân tự vệ: 347.792.200đ = 150,49% dự toán năm: trong đó có bổ sung chi huấn luyện thực binh huyện Lục Ngạn năm 2023: 103.000.000đ, chi hội diễn nghệ thuật LL vũ trang huyện Lục Ngạn: 10.000.000đ.

- Chi an ninh trật tự: 10.400.000đ = 100% dự toán năm

- Chi sự nghiệp hoạt động đài TT: 39.950.000đ= 60% dự toán năm

- Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 5.680.000đ = 87,2% DT năm

- Chi HĐ văn hóa TT tuyên truyền và cụm dân cư : 56.029.000đ = 97,47% DT năm

- Chi sự nghiệp kinh tế: 932.760.000 đ= 3.075,16% dự toán năm

Trong đó : Chi CTMT, giảm nghèo và chính sách đồng bào dân tộc thiểu số, mô hình nuôi ngựa: 744.000.000đ sự nghiệp nông, lâm ngư nghiệp, hải sản chăn nuôi thú y: 13.150.000đ . Chi sự nghiệp giao thông sửa chữa ngầm đồng láy: 175.610.000đ

- Chi đảm bảo xã hội: 7.900.000đ = 64,89% dự toán năm

- Chi Quản lý Nhà nước, Đảng đoàn thể: 3.844.710.317đ =102,18% DT

Trong đó:

+ Chi UBND xã: 2.298.702.658đ = 101,84% dự toán năm

+ Chi HĐND xã: 123.274.000đ = 68,89% DT năm

+ Chi công tác Đảng: 525.362.386đ = 98,01% dự toán năm

+ Chi MTTQ Việt nam: 202.230.276đ = 110% dự toán năm

+ Chi công tác đoàn TN: 145.194.625đ =108% dự toán năm

+ Chi công tác Phụ nữ: 192.780.485đ = 146% dự toán năm (Trong đó thực hiện dự án 8 về bình đẳng giới)

+ Chi Công tác hội nông dân: 178.369.446đ = 106% dự toán năm

+ Chi công tác hội CCB: 109.360.521đ = 105% dự toán năm

+ Chi công tác chữ thập đỏ : 18.254.960đ = 72% DT năm

+ Hội người cao tuổi xã : 51.180.960đ = 117%

2- Chi dự phòng bổ sung vào hỗ trợ cho QSDP thực hiện công tác huấn luyện thực binh phòng thủ năm 2023 là 41,99%

III. Cân đối quyết thu, chi NS năm 2023

1. Tổng thu NS: 5.888.718.491 đồng.

2. Tổng chi NS: 5.377.273.517 đồng

3. Kết dư NS: 511.444.974 đồng

IV. Đánh giá kết quả thu, chi NS năm 2023.

1. Về phần thu NS:

Năm 2023 căn cứ Nghị quyết HĐND xã giao, UBND xã đã xây dựng kế hoạch và chỉ đạo sâu sát ngay từ đầu năm, nên tình hình thu NS tại địa bàn đã đạt được kết quả tích cực nhiều chỉ tiêu đạt và vượt dự toán giao. Tuy nhiên còn một số chỉ tiêu thu chưa đạt như tiền sử dụng đất , thu biện pháp tài chính từ tiền phạt vi phạm hành chính.

2. Về chi NS:

Các khoản chi NS năm 2023 đều nằm trong kế hoạch, dự toán chi được HĐND xã phê duyệt và chi bổ sung từ NS cấp trên như các chương trình mục tiêu, cải cách tiền lương.

3. Công tác điều hành NS:

Trên cơ sở dự toán NS Nhà nước giao hàng năm và các nguồn thu trên địa bàn xã, bộ phận tài chính – kế toán xã tham mưu UBND xã lập dự toán, tổ chức thực hiện theo kế hoạch được giao và quản lý điều hành NS theo quy định của Luật NS Nhà nước và quy định của các cấp.

Tham mưu cho ủy ban chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể thực hiện nghiêm túc chế độ, tiêu chuẩn, sử dụng kinh phí được phân bổ có hiệu quả, đúng mục đích, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, công tác quản lý điều hành NS xã được chỉ đạo chặt chẽ, việc thực hiện theo luật NS Nhà nước ngày càng tốt hơn. Chấp hành thu, chi theo chế độ tiêu chuẩn.

Tuy nhiên, công tác quản lý ngân sách còn nhiều tồn tại, đó là thu trên địa bàn tuy đã đảm bảo chỉ tiêu, nhưng chưa khai thác triệt để nguồn thu. Chi NS xã đã chấp hành tốt dự toán giao và quy định của đơn vị, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chi, nhiều nhiệm vụ chi trong năm còn phát sinh.

Kết quả thu, chi NS năm 2023 tuy còn một số mặt hạn chế nhưng đã đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND, UBND, sự phối kết hợp của các ban ngành đoàn thể, góp phần phục vụ phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

PHẦN THỨ HAI

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

I- Dự toán thu Ngân sách:

| Stt | Nội dung thu | Tỷ lệ điều tiết % | NSNN | NS xã |
|-----------|--|-------------------|----------------------|----------------------|
| | Tổng thu | | 5.171.058.000 | 5.132.058.000 |
| I | Thu tại địa bàn xã | | 78.000.000 | 39.000.000 |
| 1 | Các loại phí, lệ phí | 100 | 10.000.000 | 10.000.000 |
| 2 | Lệ phí môn bài | 100 | 2.000.000 | 2.000.000 |
| 3 | Thu biện pháp tài chính (VPHC) | 100 | 20.000.000 | 20.000.000 |
| 4 | Thu tiền sử dụng đất (Chuyển mục đích SĐĐ) | 10 | 40.000.000 | 4.000.000 |
| 5 | Thuế thu nhập cá nhân | 50 | 5.000.000 | 2.500.000 |
| 6 | Lệ phí trước bạ | 50 | 1.000.000 | 500.000 |
| II | Thu bổ sung từ NS huyện cho NSDP | | 5.093.058.000 | 5.093.058.000 |
| 1 | Bổ sung cân đối ngân sách | | 4.818.159.000 | 4.818.159.000 |
| 2 | Bổ sung có mục tiêu | | 274.899.000 | 274.899.000 |

II- Dự toán Chi NS năm 2024:

| TT | Nội dung chi | DT chi 2024 | Tiết kiệm 10% | DT chi còn lại |
|------------|---|----------------------|-------------------|----------------------|
| | Tổng chi NS xã | 5.132.058.000 | 78.860.000 | 5.053.198.000 |
| I | Chi XD CB | 4.000.000 | | 4.000.000 |
| | Chi trả nợ đầu tư | 4.000.000 | | 4.000.000 |
| II | Chi thường xuyên | 5.026.905.000 | 78.860.000 | 4.924.474.000 |
| 810 | Chi QP địa phương | 255.654.000 | 0 | 255.654.000 |
| | Trong đó: Chi huấn luyện + tiền ăn HL | 159.348.000 | | 159.348.000 |
| | Các loại PC quân sự | 73.013.000 | 0 | 73.013.000 |
| | Chi hoạt động QS | 23.293.000 | | 23.293.000 |
| 809 | Chi công tác an ninh | 10.401.000 | | 10.401.000 |
| 805 | Chi sự nghiệp VH – thông tin | 57.483.000 | 3.700.000 | 53.783.000 |
| | Trong đó: Hoạt động văn hóa | 17.483.000 | 1.700.000 | 15.783.000 |
| | Thông tin tuyên truyền | 20.000.000 | 2.000.000 | 18.000.000 |
| | HĐ cụm dân cư | 20.000.000 | | 20.000.000 |
| 805 | Chi sự nghiệp phát thanh-truyền hình | 66.600.000 | 6.660.000 | 59.940.000 |
| 805 | Chi sự nghiệp thể thao | 6.506.000 | | 6.506.000 |
| 860 | Đảm bảo XH | 12.173.000 | | 12.173.000 |
| 805 | Chi SN môi trường | 6.639.000 | | 6.639.000 |
| 805 | Chi sự nghiệp kinh tế | 25.332.000 | 0 | 25.332.000 |
| | HĐ nông, lâm, ngư nghiệp chăn nuôi thú y, thủy lợi, hải sản | 25.332.000 | 0 | 25.332.000 |
| | Chi quản lý hành chính Nhà nước, Đảng đoàn thể. | 4.562.208.000 | 68.500.000 | 4.493.708.000 |

| | | | | |
|------------|--|----------------------|-------------------|----------------------|
| | Trong đó: Quỹ lương | 3.819.893.000 | | 3.819.893.000 |
| 802 | HĐND xã | 223.160.000 | 8.600.000 | 214.560.000 |
| | PC và các khoản trích nộp theo lương, PC | 110.160.000 | | 110.160.000 |
| | Hoạt động khác (Trong đó tiền may quần áo đại biểu HĐND; 19 ĐB x 2.000.000đ= 38.000.000đ) | 113.000.000 | 8.600.000 | 104.400.000 |
| 805 | Uy ban nhân dân | 2.644.773.000 | 42.000.000 | 2.602.773.000 |
| | Lương, PC và các khoản trích nộp theo lương | 2.224.773.000 | | 2.224.773.000 |
| | Hoạt động khác (Trong đó có hỗ trợ cho Đại hội MTTQ, hội liên hiệp Thanh niên, và tổ chức khác năm 2023) | 420.000.000 | 42.000.000 | 378.000.000 |
| 819 | Đảng cộng sản Việt Nam | 606.000.000 | 10.000.000 | 596.000.000 |
| | Lương, PC và các khoản trích nộp theo lương | 502.085.000 | | 502.085.000 |
| | Hoạt động khác (Trong đó chi HĐ của các chi bộ CS, Đảng bộ CS theo QĐ số 99-QĐ/TW) | 103.915.000 | 10.000.000 | 93.915.000 |
| | HĐ của ủy ban kiểm tra cấp ủy | 6.000.000 | | 6.000.000 |
| 820 | Mặt trận tổ quốc | 261.230.000 | 1.400.000 | 259.830.000 |
| | Lương, PC và các khoản trích nộp theo lương | 221.230.000 | | 221.230.000 |
| | Hoạt động TTND | 5.400.000 | | 5.400.000 |
| | HĐ MTTQ (Trong đó chi đại hội MTTQ: 11.000.000đ) | 25.600.000 | 1.400.000 | 24.200.000 |
| | HĐ chi hội thôn bản ĐBKK | 4.000.000 | | 4.000.000 |
| | Chi ban GS đầu tư cộng đồng | 5.000.000 | | 5.000.000 |
| 811 | Đoàn thanh niên | 180.780.000 | 1.200.000 | 179.580.000 |
| | Lương, PC và các khoản trích nộp theo lương | 153.680.000 | | 153.680.000 |
| | HĐ thường xuyên | 12.100.000 | 1.200.000 | 10.900.000 |
| | Chi đại hội hội LHTN | 11.000.000 | | 11.000.000 |
| | HĐ chi hội thôn bản ĐBKK | 4.000.000 | | 4.000.000 |
| 812 | Hội phụ nữ | 170.600.000 | 1.200.000 | 169.400.000 |
| | Lương, PC và các khoản trích nộp theo lương | 154.500.000 | | 154.500.000 |
| | HĐ thường xuyên | 12.100.000 | 1.200.000 | 10.900.000 |
| | HĐ chi hội thôn bản ĐBKK | 4.000.000 | | 4.000.000 |
| 813 | Hội nông dân | 208.800.000 | 1.200.000 | 207.600.000 |

| | | | | |
|------------|---|--------------------|------------------|--------------------|
| | Lương, PC và các khoản trích nộp theo lương | 192.700.000 | | 192.700.000 |
| | HĐ thường xuyên | 12.100.000 | 1.200.000 | 10.900.000 |
| | HĐ chi hội thôn bản ĐBKK | 4.000.000 | | 4.000.000 |
| 814 | Hội CCB | 143.665.000 | 1.200.000 | 142.465.000 |
| | Lương, PC và các khoản trích nộp theo lương | 127.565.000 | 0 | 127.565.000 |
| | HĐ thường xuyên | 12.100.000 | 1.200.000 | 10.900.000 |
| | HĐ chi hội thôn bản ĐBKK | 4.000.000 | | 4.000.000 |
| | | | | |
| 824 | Hội chữ thập đỏ | 38.200.000 | 850.000 | 37.350.000 |
| | Phụ cấp và các khoản trích nộp theo PC | 29.700.000 | | 29.700.000 |
| | HĐ thường xuyên | 8.500.000 | 850.000 | 7.650.000 |
| 825 | Hội người cao tuổi | 85.000.000 | 850.000 | 84.150.000 |
| | Lương, PC và các khoản trích nộp theo lương | 76.500.000 | | 76.500.000 |
| | HĐ thường xuyên | 8.500.000 | 850.000 | 7.650.000 |
| 860 | Chi khác ngân sách | 23.909.000 | | 23.909.000 |
| III | Chi dự phòng | 101.153.000 | | 101.153.000 |

Trên đây là Báo cáo kết quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 ước thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện(Bc);
- TT Đảng ủy xã (B/c);
- TT HĐND xã (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vi Văn Tính